

Mẫu số 08. Báo cáo kết quả giảm nhẹ dự án

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢM NHẸ DỰ ÁN

Phần 1. Thông tin dự án

1. Tên dự án, mã dự án:
- Tổ chức chủ trì dự án và các tổ chức phối hợp (báo cáo/giám sát):
3. Vị trí và ranh giới (kèm bản đồ):
4. Loại hình hoạt động giảm phát thải:
5. Giai đoạn tín chỉ và kỳ báo cáo (ngày bắt đầu và kết thúc):
6. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án (ngày/tháng/năm):
7. Tham chiếu tới văn kiện dự án (VKDA) và tiêu chuẩn/phương pháp được phê duyệt (số hiệu/phiên bản):
.....

Phần 2. Tổng quan thời gian thực hiện dự án

1. Tóm tắt các hoạt động được triển khai trong kỳ thực hiện dự án
2. So sánh với các hoạt động đã được xác định trong VKDA
3. Các thay đổi lớn, nếu có (ví dụ: diện tích quản lý, diện tích trồng, diện tích tránh mất rừng)
4. Tổ chức thực hiện dự án
5. Tóm tắt các hoạt động thực hiện theo tần suất trong kỳ báo cáo (theo từng hoạt động của dự án)

Phần 3. Các tham số giai đoạn tham chiếu

1. Mô tả và khẳng định lại mức tham chiếu đã được xác định trong VKDA
2. Mô tả các thông số kịch bản tham chiếu chủ chốt được sử dụng trong giám sát (độ che phủ, mật độ các-bon, phát thải cơ sở...)
3. Thông tin khác (nếu có)

Phần 4. Các tham số và phương pháp giám sát

(Mô tả tham số và phương pháp giám sát các hoạt động theo TCVN/phương pháp được công nhận)

1. Tham số giám sát thực tế

Tuỳ thuộc vào từng hoạt động của dự án (hoạt động giảm phát thải của dự án), các tham số giám sát thực tế có thể bao gồm:

- Diện tích và trạng thái rừng;

- Trữ lượng các-bon rừng (tỷ lệ sống của cây, D1.3, chiều cao, gia tăng sinh khối);
- Phát thải từ hoạt động dự án (như đốt, vận chuyển cây giống, phân bón, thu gom củi);
- Rò rỉ (chuyển đổi hoạt động, rò rỉ thị trường);
- Rủi ro đảo nghịch (cháy, dịch hại, bão, khai thác bất hợp pháp);
- Chỉ số đa dạng sinh học;
- Chỉ số sinh kế/xã hội;
- Chỉ số AFP (năng suất, độ che phủ cây bóng mát, độ phì nhiêu đất);
- Chỉ số các-bon xanh (diện tích rừng ngập mặn/than bùn, sinh khối, trữ lượng C trong đất);
- Các tham số khác.

2. Tham số cố định đặc thù dự án

Hàng số, giá trị đường cơ sở, hệ số phát thải

3. Ước tính giảm/hấp thụ phát thải khí nhà kính

- Lượng giảm phát thải trong kỳ giám sát (tCO_{2td})
- Tổng lượng giảm phát thải tích lũy từ khi dự án bắt đầu

4. Phương pháp và căn cứ giám sát

- Tham chiếu TCVN/phương pháp được công nhận
- Quy trình giám sát đã sử dụng

5. Vai trò và trách nhiệm giám sát

Vai trò của quản lý dự án, cán bộ hiện trường, quản lý dữ liệu, cán bộ kiểm soát chất lượng (QA/QC)

Phần 5. Thu thập dữ liệu và hệ thống đảm bảo và QA/QC

1. Đo đạc hiện trường (ô tiêu chuẩn, tuyến, mẫu đất)
2. Dữ liệu viễn thám và GIS (bản đồ phủ toàn diện, chỉ số viễn thám)
3. Hệ thống lưu trữ và duy trì dữ liệu
4. Quy trình QA/QC (kiểm tra lỗi, đánh giá độ chính xác, phát hiện bất thường, kiểm tra độc lập)
5. Sở hữu dữ liệu và chính sách truy cập dữ liệu (ai chịu trách nhiệm duy trì, ai cấp quyền truy cập, các quy tắc bảo mật)

Phần 6. Biện pháp bảo đảm an toàn, đa dạng sinh học và tác động xã hội theo TCVN/phương pháp được công nhận

1. Các hoạt động tham vấn cộng đồng (các cuộc họp, cập nhật FPIC, cơ chế giải quyết khiếu nại)
2. Tuân thủ các biện pháp an toàn
3. Kết quả đa dạng sinh học (giám sát giá trị đa dạng sinh học cao - HCV, chỉ số chất lượng sinh cảnh)
4. Kết quả sinh kế (thu nhập, mức độ tham gia, chỉ số phúc lợi xã hội)
5. Các kết quả khác

Phần 7. Rò rỉ và Rủi ro đảo nghịch

1. Bằng chứng về chuyển dịch hoạt động hoặc rò rỉ thị trường
2. Rò rỉ thị trường (nếu có)
3. Giám sát các sự cố (cháy, sâu bệnh, bão, khai thác trái phép)
4. Cập nhật quỹ dự phòng và áp dụng công cụ đánh giá rủi ro

Phần 8. Kết quả giảm phát thải và kết quả đồng lợi ích

1. Lượng giảm phát thải /hấp thụ ròng đạt được
2. Mức độ không chắc chắn và khoảng tin cậy
3. Tóm tắt lợi ích đa dạng sinh học, môi trường và xã hội
4. Khẳng định tuân thủ các yêu cầu giám sát theo TCVN/phương pháp được công nhận

Phần 9. Quản lý thích ứng và bài học kinh nghiệm

1. Bài học rút ra từ kết quả giám sát (ví dụ: tỷ lệ chết bất thường của cây, xu hướng rò rỉ, các vấn đề về biện pháp an toàn xã hội)
2. Điều chỉnh thực hành quản lý dự kiến cho kỳ tiếp theo (cải tiến quy trình, tăng cường biện pháp bảo vệ, thay đổi loài cây trồng, cải thiện sự tham gia cộng đồng, v.v.)
3. Các hành động khắc phục đối với thiếu hụt dữ liệu hoặc khoảng trống trong giám sát (bổ sung đo đạc, cải thiện hệ thống thu thập thông tin, tăng cường QA/QC, huy động thêm nguồn lực).

Phần 10. Quá trình thẩm định và các nội dung thẩm định, ý kiến giải trình đã được cơ quan thẩm định chấp thuận

Quá trình sửa đổi báo cáo		
Phiên bản	Ngày/tháng/năm	Nội dung sửa đổi

Phần 11. Phụ lục

1. Các bảng giám sát đã hoàn chỉnh (Phần 4, Mục 1-5)
2. Phiếu thu thập dữ liệu hiện trường, hồ sơ ô tiêu chuẩn
3. Bản đồ RS/GIS (thay đổi diện tích đất, thay đổi sinh khối, bản đồ sự cố)
4. Hồ sơ tham vấn cộng đồng, phản hồi và khiếu nại
5. Nhật ký QA/QC, hồ sơ kiểm toán
6. Tư liệu ảnh/tài liệu minh chứng